

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 quy định tổ chức và hoạt động ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Lâm Đồng (sau đây viết tắt là Quỹ).

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai

1. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Đối với các nội dung chi chưa được quy định tại Quyết định này, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch thực hiện kèm theo dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, trên cơ sở thực tế và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Phân bổ Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã được giữ lại 28% số thu trên địa bàn để chi cho các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ. Số tiền thu Quỹ còn lại nộp vào tài khoản Quỹ ở cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện được giữ lại 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã) để chi cho các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ. Số tiền thu Quỹ còn lại nộp vào tài khoản Quỹ ở cấp tỉnh.

3. Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, xã đã sử dụng hết.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm về các khoản thu, chi từ Quỹ được phân bổ và báo cáo định kỳ trước ngày 20 hàng tháng về Cơ quan quản lý Quỹ để theo dõi, quản lý.

Điều 4. Quy định nội dung chi và mức chi quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ

Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ cấp tỉnh, dùng để chi cho các nội dung sau:

1. Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ: Mức chi tối đa 300.000 đồng/người/tháng.

2. Chi phí hành chính phát sinh của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh. Nội dung chi và mức chi quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập dự toán chi tiết chi cho các nội dung quy định tại khoản 1, 2 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

4. Tạm ứng và thanh quyết toán nguồn kinh phí chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ: Căn cứ dự toán nguồn kinh phí chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Cơ quan quản lý Quỹ tạm ứng kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo tiến độ và kết quả thu quỹ.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan kiểm tra, rà soát và tham mưu đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn Quỹ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, định mức quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng quỹ tại các địa phương, đơn vị theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán Quỹ; thẩm định báo cáo quyết toán của Cơ quan quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan quản lý Quỹ trong việc kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương được hỗ trợ kinh phí từ Quỹ lập hồ sơ và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

3. Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh

a) Tham mưu xây dựng kế hoạch thu Quỹ hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và đôn đốc các địa phương, đơn vị thu, nộp Quỹ theo đúng quy định.

b) Hằng năm, căn cứ kế hoạch thu quỹ đã được phê duyệt tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

c) Xây dựng kinh phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Tổng hợp báo cáo kết quả thu, nộp, quản lý, sử dụng Quỹ cấp tỉnh gửi Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Cơ quan quản lý Quỹ Trung ương theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị được hỗ trợ từ nguồn Quỹ

a) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

b) Lập và báo cáo quyết toán và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

c) Báo cáo quyết toán nguồn kinh phí Quỹ cấp tỉnh hỗ trợ gửi về Cơ quan quản lý Quỹ theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, sử dụng Quỹ và công khai Quỹ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn, đơn vị cấp huyện thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước: Danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Lập báo cáo quyết toán chi Quỹ trên địa bàn và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện việc thu, nộp, sử dụng Quỹ và công khai Quỹ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; thực hiện công khai: danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Lập báo cáo quyết toán chi Quỹ trên địa bàn và quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Đài PTTH tỉnh Lâm Đồng; Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo Tin học;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trung tâm tích hợp dữ liệu và chuyển đổi số;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, GT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Hiệp

Phụ lục

NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 14 /2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng)



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai			
1.1	Hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán	đồng/người/ngày	150.000	
1.2	Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước			
-	Thời gian huy động từ 06 giờ sáng đến 22 giờ đêm	đồng/người/ngày	Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở	
-	Thời gian huy động từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau	đồng/người/ngày	Hỗ trợ bằng 0,2 lần mức lương cơ sở	
1.3	Hỗ trợ tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai		Được hỗ trợ phụ cấp kiêm nhiệm, tiền lương làm thêm giờ, công tác phí	Phụ cấp kiêm nhiệm, tiền lương làm thêm giờ, công tác phí theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp
2	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai			
2.1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực (thời gian cứu trợ không quá 03 tháng cho mỗi đợt thiên tai)	Kg gạo/người/tháng	15	
2.2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai	đồng/người/đợt thiên tai	300.000	
2.3	Hỗ trợ sách vở, phương tiện học tập cho học sinh, sinh viên, giáo viên và các đối tượng học tập khác	đồng/người/đợt thiên tai	400.000	
2.4	Hỗ trợ tu sửa nhà ở (chỉ tính nhà ở chính kiên cố)			Nhà kiên cố là nhà có cả 3 kết cấu chính (cột, mái, tường) đều được làm bằng vật liệu bền chắc

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
-	Hỗ trợ chi phí làm nhà cho hộ có nhà ở bị đổ, sập, trôi do thiên tai với mức độ hư hỏng trên 70% mà không còn nơi ở	đồng/hộ	40.000.000	Hư hỏng trên 70% là nhà bị phá hủy mà không thể khôi phục lại
-	Hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở cho hộ có nhà ở bị hư hỏng rất nặng do thiên tai với mức độ hư hỏng từ 50-70% mà không ở được	đồng/hộ	20.000.000	Hư hỏng từ 50-70% là nhà bị hư hỏng không ở được nhưng có thể khôi phục lại được
-	Hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở cho hộ có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai với mức độ hư hỏng từ 30-50%	đồng/hộ	12.000.000	Hư hỏng từ 30-50% là nhà bị phá hủy, hư hỏng từ 30-50%, giá trị thiệt hại >15.000.000 đồng
-	Hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở cho hộ có nhà ở bị hư hỏng một phần do thiên tai với mức độ hư hỏng dưới 30%	đồng/hộ	Hỗ trợ 50% mức thiệt hại nhưng không quá 7.000.000	Thiệt hại một phần là nhà bị hư hỏng dưới 30%, giá trị thiệt hại ≤15.000.000 đồng
2.5	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai: Cơ sở y tế, trường học, nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở; hỗ trợ nạo vét, khơi thông dòng chảy thoát lũ, tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai	đồng/công trình	Tối đa 2.000.000.000	
2.6	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	đồng/xã, phường, thị trấn	12.000.000	
2.7	Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai			Điều kiện, trình tự thủ tục nhận hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh
*	Hỗ trợ đối với cây trồng			
-	Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 2.000.000	
-	Diện tích lúa thuần thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 1.000.000	
-	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 20.000.000	
-	Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 10.000.000	
-	Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 3.000.000	
-	Diện tích lúa lai bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 1.500.000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
-	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 30.000.000	
-	Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 15.000.000	
-	Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 2.000.000	
-	Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 1.000.000	
-	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 4.000.000	
-	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 2.000.000	
*	Hỗ trợ đối với sản xuất lâm nghiệp			
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 4.000.000	
-	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 2.000.000	
-	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 40.000.000	
-	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 20.000.000	
*	Hỗ trợ đối với nuôi thủy sản			
-	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 10.000.000	
-	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 7.000.000	
-	Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại trên 70%	đồng/100m ³ lồng	Tối đa 10.000.000	
-	Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/100m ³ lồng	Tối đa 7.000.000	
-	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 30.000.000	
-	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 20.000.000	
-	Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 50.000.000	
-	Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 35.000.000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
-	Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 6.000.000	
-	Diện tích nuôi trồng các loại thủy sản khác bị thiệt hại từ 30% - 70%	đồng/ha	Tối đa 4.000.000	
*	Hỗ trợ đối với nuôi gia súc, gia cầm			
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi	đồng/con	Tối đa 20.000	
-	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) trên 28 ngày tuổi	đồng/con	Tối đa 35.000	
-	Lợn đến 28 ngày tuổi	đồng/con	Tối đa 400.000	
-	Lợn trên 28 ngày tuổi	đồng/con	Tối đa 1.000.000	
-	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	đồng/con	Tối đa 2.000.000	
	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	đồng/con	Tối đa 3.000.000	
	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	đồng/con	Tối đa 10.000.000	
-	Trâu, bò, ngựa đến 6 tháng tuổi	đồng/con	Tối đa 2.000.000	
-	Trâu, bò, ngựa trên 6 tháng tuổi	đồng/con	Tối đa 6.000.000	
-	Hươu, nai, cừu, dê	đồng/con	Tối đa 2.500.000	
*	Hỗ trợ đối với nhà kính, nhà lưới sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai			Chỉ hỗ trợ đối với trường hợp không phải giải tỏa hoặc giảm diện tích theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt đề án Quản lý nhà kính, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
-	Hỗ trợ nhà kính thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 25.000.000	
-	Hỗ trợ nhà kính thiệt hại 30-70%	đồng/ha	Tối đa 12.500.000	
-	Hỗ trợ nhà lưới thiệt hại trên 70%	đồng/ha	Tối đa 10.000.000	
-	Hỗ trợ nhà lưới thiệt hại trên 30-70%	đồng/ha	Tối đa 5.000.000	
2.8	Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý, xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai	đồng/công trình	Tối đa 3.000.000.000	
3	Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai			
3.1	Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống		Đơn vị đề xuất lập dự toán chi phí trình cấp có thẩm quyền xem xét	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 04/8/2021 của HĐND tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật và các

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng			quy định của pháp luật có liên quan
3.2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai		Đơn vị đề xuất lập dự toán chi phí trình cấp có thẩm quyền xem xét	
3.3	Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm	đồng/hộ	Tối đa 30.000.000	Hỗ trợ chi phí di dời nhà ở đối với hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác
3.4	Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai		Đơn vị đề xuất lập dự toán chi phí trình cấp có thẩm quyền xem xét	
	Trong đó, chế độ tiền công đối với người được huy động tập huấn, huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai như sau:			
*	<i>Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai, tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập được hưởng trợ cấp ngày công lao động như sau:</i>			Cấp nào huy động thì cấp đó bảo đảm chi trả
-	Người được huy động tập huấn, huấn luyện, diễn tập	đồng/người/ngày	70.000	
-	Người được huy động làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai	đồng/người/ngày	150.000	
-	Người được huy động huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai vào ban đêm (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau)	đồng/người/ngày	300.000	
-	Khi tập trung, tập huấn, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được hỗ trợ tiền ăn	đồng/người/ngày	100.000	Được bố trí nơi ăn, nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về như cán bộ, công chức cấp xã
*	<i>Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động, tập huấn, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai theo quyết định của cấp có thẩm quyền</i>		Được trả nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe	Được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chi trả

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
3.5	Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã		Đơn vị đề xuất lập dự toán chi phí trình cấp có thẩm quyền xem xét	
3.6	Xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng		Đơn vị đề xuất lập dự toán chi phí trình cấp có thẩm quyền xem xét	
3.7	Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định		Đơn vị đề xuất lập dự toán chi phí trình cấp có thẩm quyền xem xét	Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai